

THUYỀN ĐỘC MỘC

trong đời sống và tâm thức người Thái tỉnh Thanh

HOÀNG MINH TƯỜNG*

Người Thái là cư dân giỏi trồng lúa nước ở vùng thung lũng. Từ lâu đời, cũng như cư dân vùng Đông Nam Á họ rất gắn bó với nước, nước không chỉ làm cho con người hết khát, nước tưới tốt cây trồng cho bông sây hạt mẩy, gia súc đầy đàn, nước là khởi nguyên của “khúc sông, vụng cá” để con người “không đói cơm đói gạo, không thiếu cá, canh rêu”, “có nước mới có ruộng/có mường mới có tạo”.

Người Thái là một trong số bảy tộc người, từ lâu đã cư trú trên miền đất phía Tây tỉnh Thanh Hoá. Họ tụ cư thành những mường lớn như: Mường Ca Da (Quan Hoá), mường Khoòng (Bá Thước), mường Trịnh Vạn (Thường Xuân)... dọc theo đôi bờ của sông Mã, sông Chu và những con suối lớn. Với địa hình núi non hiểm trở, nhiều sông lắt léo, do vậy, để di chuyển, cùng với đôi chân trên bộ thì thuyền là phương tiện tỏ ra có nhiều ưu thế giúp họ dọc ngang trên sông suối. Sinh sống bên dòng sông, con suối đã đem lại cho họ nhiều thuận lợi mà ở những vùng đất khác không dễ gì có được và, chính điều đó đã được phản ánh trong những lời

* SỞ THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG
THANH HÓA

“Khạp” Thái:

... Sông Mã chảy dưới chân thang

Ra đi cưỡi thuyền bè thay ngựa

Hái củi không cần dao

Từ vùng cao củi trôi sông đem đến...

Với môi trường thiên nhiên nhiều sông suối nên ra đi cưỡi thuyền bè thay ngựa, thuyền độc mộc từ lâu đời đã trở nên gắn bó thân thiết và không thể rời xa người Thái, kể cả tới lúc từ già cõi đời cũng có con thuyền đi cùng người mất.

Từ thời tối cổ, cùng với bè mảng, thuyền độc mộc là phương tiện xuất hiện rất sớm giúp con người đi lại trên sông suối, đầm hồ. Qua kết quả khai quật khảo cổ học ở nước ta thời kỳ văn hoá Đông Sơn, thuyền độc mộc có thể đã xuất hiện cách nay khoảng 2.500 năm. Trong số các hình khắc trên trống đồng, bên cạnh những chiếc thuyền lớn còn có những chiếc thuyền độc mộc.

Trên đất xứ Thanh, người Thái xưa chắc đã tiếp thu được truyền thống chế tác thuyền độc mộc của tiền nhân và cho đến hôm nay đồng bào vẫn làm ra loại phương tiện này để đi lại trên sông suối, đánh cá, buôn hàng, vận chuyển hàng hoá, lương thực.

Để có được thuyền, trước tiên người ta phải

tìm vật liệu và chế tác nó. Với những đại ngàn có nhiều loại gỗ quý, người ta thoả sức chọn tìm loại gỗ tốt để tạo thuyền. Đối với người Thái, loại gỗ dùng để làm thuyền phổ biến là gỗ dổi, chò, kiêng, xăng lẻ... những gỗ này vừa tốt, không ngấm nước, nhẹ, dễ nổi. Trước khi vào rừng, người chủ làm lễ cúng ma nhà và các vị thần linh để xin phép được vào rừng chặt gỗ. Khi chọn được cây gỗ vừa ý, họ cũng làm lễ cúng thần rừng, thần cây cho phép mình được dẫn gỗ. Trong khi đốn cây, người đó đánh dấu vào thân cây, nếu cây đổ thì chọn phần nửa thân cây không tiếp giáp với đất để làm thuyền, sau đó chọn một đoạn ưng ý của cây vừa hạ rồi đánh dấu phân biệt bằng việc dùng riu mổ một lỗ rộng trên phần ngọn cây và luồn dây rừng cho trâu kéo về bản. Nếu vị trí đốn cây gần sông suối thì người chủ chế tác thuyền ngay tại nơi đó. Người Thái thường dùng riu để khoét lòng thuyền hoặc đốt lửa hun, sau đó dùng riu đéo gọt lại cho hoàn tất. Thông thường trong khi làm thuyền với những chiếc thuyền độc mộc lớn, người chủ phải mời thêm một số bà con, hoặc những người có kinh nghiệm giúp đỡ. Việc làm thuyền đọng lại trong một bài "Khạp" Thái ở Mường Ca Da, huyện Quan Hoá:

... *Ta đi lên ngàn chặt cây*

Chặt cây gỗ dài, chặt cây gỗ to

Gỗ kiêng, gỗ dổi, gỗ chò

Súc kéo bằng bò, súc kéo bằng tay

Bản Khâm, bản Khó về đây

Khoét đục đêm ngày nên con thuyền xinh...

Thuyền làm xong, chọn ngày lành tháng tốt chủ thuyền làm một mâm lễ, tối thiểu cũng phải có các lễ vật: xôi đồ, vịt, cá nướng, rượu cần, trầu cau... sau đó đặt các lễ vật lên thuyền để cúng thần sông, suối, thần bến nước... phù hộ cho chiếc thuyền và chủ nhân của nó gặp nhiều điều may mắn "thuyền độc mộc con thuyền thương/giúp cho bản mường cơm trắng, cá to", con thuyền bình yên vượt qua ghềnh thác, sông sâu, nước lớn:

Mặc cho ghềnh cả, thác to

Thuyền vẫn lướt bờ, xô nước thuyền đi

Con thuyền độc mộc từ bao đời nay gắn bó

thân thiết với đồng bào Thái. Không rõ giữa thuyền độc mộc và chiếc luống, cái nào có trước, cái nào có sau? điều đó cần phải tiếp tục nghiên cứu, song giữa hai công cụ này đều có những nét tương đồng dễ nhận ra. Hay nói cách khác, về chất liệu và kiểu dáng chiếc luống là hình dáng thu nhỏ của thuyền độc mộc. Công năng của luống trước tiên là chiếc cối dài vừa để giã gạo, giã gạo và sau đó trở thành loại "nhạc cụ gỗ" khá phổ biến trong sinh hoạt cộng đồng và thực hành nghi lễ không chỉ của người Thái mà còn được đồng bào các tộc ở miền núi tỉnh Thanh sử dụng. Nếu người đi thuyền độc mộc sử dụng mái chèo hay cây sào để điều khiển con thuyền lướt trên mặt nước, thì người sử dụng luống dùng những chiếc chày gỗ vừa để giã gạo, vừa tạo nên những âm thanh độc đáo rất đặc trưng của núi rừng, phản ánh những cung bậc tình cảm và trạng thái tâm lý của mỗi cá nhân cũng như của cả bản mường.

Con thuyền độc mộc, chiếc luống không chỉ thủy chung đối với người Thái mà nó còn tạo tiếng nhạc rừng khua rộn rã, tưởng như vỡ oà khi có một đứa trẻ - thành viên mới của cộng đồng chào đời; cũng chiếc luống này giã nên gạo thơm, cơm trắng nuôi lớn bé thơ cùng với dòng sữa ngọt lành của người mẹ núi; chiếc thuyền độc mộc - phương tiện hữu ích mà các chàng trai, cô gái Thái hay lam, hay làm để "đi sông ăn cá, ra ruộng ăn cơm"; tiếng luống ngân vang mời gọi trong đêm trăng sáng cho gái bản trên, trai mường dưới dắt díu nhau vào hội "Kin chiêng boọc mạy", qua điệu múa quanh cây hoa ngũ sắc, qua quả còn xanh đỏ và lời "Khạp" thiết tha trao duyên, trao tình để cho những lứa đôi bén duyên nên vợ nên chồng. Không những thế, đối với người Thái theo tín ngưỡng địa táng, khác với đồng bào Thái theo tín ngưỡng hoả táng, con thuyền độc mộc, chiếc luống còn theo họ khi phải từ giã cõi đời trở về với thế giới mường ma.

Quan tài của người Thái được làm bằng thân cây khoét rỗng, là mô hình hai chiếc thuyền độc mộc úp lại gọi là "chùng" với loại gỗ không bị mối mọt như: Trám, de, vang, dổi... Xa

xưa, người Thái chuyên làm quan tài bằng loại gỗ mà tiếng Thái gọi là “cò bẻ”. Loại cây này dáng cao thẳng, có nhiều trong rừng, về sau gỗ này hiếm dần nên mới dùng các loại gỗ trên.

Quan tài hình thuyền dài khoảng 2,20m, đường kính 60 - 65cm, lòng rộng 40 - 50cm, chiều dài của lòng 1,80m. Tạo lòng bằng cách bổ đôi thân cây thành hai nửa, nửa trên mỏng hơn nửa dưới, rồi khoét rỗng hai nửa thành hình máng, giữa hai mép soi rãnh và tạo gờ để khi đây nắp lại vừa khít. Sau khi đặt người quá cố vào quan tài kèm theo đồ tùy táng và nhất thiết phải có vỏ quả bầu khô đựng nước hoặc vỏ rượu, tiếp đó dùng củ nâu già nhỏ hoặc lấy cơm nếp luyện cho nhuyễn trát kín kẽ hở của hai thớt. Những người tham gia làm quan tài trước đó phải ăn thịt chó, bởi người Thái quan niệm, chó là vật liếm sạch cây cầu bời mỡ giúp cho người chết trên đường trở về mừng ma không bị trượt ngã rơi xuống vực, xua đuổi ma quỷ và những người ăn thịt chó khi làm quan tài sẽ không bị “phỉ” bắt theo cùng với người nằm trong quan tài.

Qua những ngôi mộ táng hình thuyền phát hiện mới đây vào năm 2007 tại hang động Lũng Mi cho thấy, trên một ngọn núi cao, ngay dưới chân núi là dòng sông Mã, thuộc huyện Quan Hoá, tại động này có tới hàng trăm chiếc quan tài bằng thân cây khoét rỗng chứa những bộ xương người và một số đồ tùy táng như gương, mũi tên đồng, đồ gốm cổ. Điều đó chứng minh rằng, từ lâu người Thái cũng như những tộc người thiểu số ở nơi đây đã có tục quan người chết trong những chiếc quan tài hình thuyền.

Ngày nay kiểu mộ táng và quan người chết trong thân cây khoét rỗng vẫn được đồng bào Thái ở các huyện Quan Hoá, Thường Xuân, Quan Sơn, Bá Thước thực hiện. Chiếc thuyền độc mộc vẫn gắn bó thân thiết với đồng bào Thái như những ngày nào, giúp họ đánh cá buông chài, lấy rêu trên sông Mã, sông Chu, sông Lò, sông Đập... Tiếng luống vẫn ngân vang khắp bản gần mừng xa, nhân lên niềm vui tới mọi người khi đứa trẻ chào đời, mừng cô dâu mới, vụ mùa tươi tốt và sẻ chia nỗi buồn khi

núi lở đá lăn, có người khuất núi, rời xa cộng đồng.

Từ con thuyền độc mộc, chiếc luống tới quan tài hình thuyền của người Thái tỉnh Thanh, bước đầu rút ra một số nhận xét:

Thứ nhất: Với địa bàn cư trú ở miền rừng núi, nhiều sông suối, từ lâu người Thái đã gắn bó và am hiểu môi trường sông nước. Nước là nguồn gốc của sự sống, vì vậy, từ chỗ sùng bái nước, họ đã thiêng hoá nước. Trong nghi lễ, các đối tượng có liên quan tới nước, như: dòng sông, con suối, bến nước, vò rượu, quả bầu khô đựng nước, con thuyền... người Thái luôn thể hiện sự trân trọng và biết ơn sâu sắc.

Thứ hai: Sống trong môi trường nước, di chuyển trên sông suối bằng thuyền để có nguồn thực phẩm cá, tôm, rêu... dồi dào từ sông suối mang lại, giúp con người duy trì cuộc sống, từ đó đã dần hình thành niềm tin, lòng ngưỡng mộ đối với con thuyền trong cộng đồng tộc người Thái (từ ngàn xưa tới nay).

Thứ ba: Cư dân Đông Nam Á nói chung, người Thái nói riêng là những cư dân nông nghiệp trồng lúa nước vừa có tục thờ nước, vừa thờ mặt trời - thần ánh sáng tác động tới sự sinh trưởng của cây trồng, vì vậy, họ luôn tin rằng, linh hồn người chết sẽ được trở về thế giới của mừng Trời. Phương tiện đi lại của người Thái không gì thuận lợi hơn bằng thuyền, nên linh hồn cũng cần có một con thuyền để về với thế giới bên kia, chính vì lẽ đó mà, từ thời tới cổ đến tận hôm nay, quan tài của người Thái vẫn là thân cây khoét rỗng hình chiếc thuyền độc mộc.

Con thuyền độc mộc, chiếc luống, quan tài hình thuyền của người Thái nói chung và người Thái tỉnh Thanh nói riêng tàng ẩn nhiều điều cần tiếp tục nghiên cứu, giải mã, để qua đó càng hiểu rõ về những quan niệm sống chết, tín ngưỡng và triết lý sâu xa mà người xưa ký gửi qua vật cụ thể- thuyền độc mộc.

H.M.T